

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-QLN

Bắc Ninh, ngày tháng 12 năm 2025

V/v thông báo 206 lô đất đã có hạ tầng kỹ thuật đủ điều kiện được chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân tự xây dựng nhà ở thuộc dự án Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang (nay là xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 5125/CV-TM ngày 01/12/2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai về việc đề nghị thông báo 206 lô đất đã có hạ tầng kỹ thuật đủ điều kiện được chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở tại Dự án Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ban hành ngày 27/11/2023; Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ban hành ngày 28/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang quy định một số nội dung cụ thể của Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28 tháng 11 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 35/2025/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 05/9/2024.

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai cung cấp, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin dự án

- Tên dự án: Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang (*sau đây viết tắt là Dự án*).

- Địa điểm xây dựng: thị trấn Vôi huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang (*nay là xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh*).

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai.

- Diện tích dự án: khoảng 76,76 ha (*theo Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh*).

- Nội dung đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt bao gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, công viên cây xanh.

2. Thành phần hồ sơ

a) Thông tin pháp lý về đầu tư của dự án

Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận đầu tư Dự án và điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án của UBND tỉnh Bắc Giang tại các Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 14/4/2017; Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 02/3/2020; Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 bổ sung thời hạn hoạt động dự án; Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 08/3/2023; Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 21/5/2024; Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 29/6/2025.

b) Thông tin pháp lý về quy hoạch, thiết kế, xây dựng của Dự án

- Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, (tỷ lệ 1/500);

- Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, (tỷ lệ 1/500);

- Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của UBND huyện Lạng Giang về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, (tỷ lệ 1/500);

- Quyết định 777/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang điều chỉnh giảm quy mô diện tích Dự án;

- Văn bản số 24/UBND-KTHT ngày 27/3/2023 của UBND huyện Lạng Giang về việc thống nhất thiết kế mẫu nhà ở thuộc Dự án;

- Văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế BVTC xây dựng công trình và thiết kế điều chỉnh, bổ sung được Sở Xây dựng thẩm định tại các Văn bản số 1027/SXD-PTĐT&HTKT ngày 01/6/2017; số 2338/SXD-PTĐT&HTKT ngày 08/10/2020; số 2472/SXD-PTĐT&HTKT ngày 13/9/2021; số 748/SXD-PTĐT&HTKT ngày 31/3/2022 và số 2987/SXD-PTĐT&HTKT ngày 20/10/2022.

- Giấy phép xây dựng do Sở Xây dựng cấp: số 1161/GPXD ngày 19/6/2017; số 2218/GPXD ngày 30/10/2017; số 2996/GPXD ngày 24/12/2020; số 917/GPXD ngày 22/4/2021.

c) Giấy tờ về nghiệm thu đã hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng

Văn bản số 236/TB-SXD ngày 28/11/2025 của Sở Xây dựng thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng thuộc Dự án.

d) Thông tin về đất đai của Dự án

- Các Quyết định của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai để thực hiện Dự án: Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 (đợt 1, giai đoạn 1); Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 (đợt 2, giai đoạn 1); Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 (đợt 1 giai đoạn 2); Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 (đợt 1, giai đoạn 3); Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 (đợt 2, giai đoạn 2 và đợt 2 giai đoạn 3); Quyết định số 1268/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 (đợt 3, giai đoạn 2 và đợt 3, giai đoạn 3); Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 20/01/2025.

- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 17/3/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh diện tích đất đã cho thuê tại Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai.

đ) Về cung cấp các dịch vụ cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom rác thải, xử lý nước thải, nghĩa vụ tài chính về đất đai

- Văn bản số 1832/PCBG-KD ngày 02/4/2025 của Công ty Điện lực Bắc Giang về việc bán điện đến hộ và bàn giao công trình điện thuộc Dự án.

- Biên bản làm việc về việc bán điện cho các hộ dân tại Dự án ngày 02/4/2025 giữa đại diện Công ty Điện lực Bắc Giang và đại diện Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai.

- Biên bản nghiệm thu đóng điện ngày 10/4/2025 giữa đại diện Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai, đại diện đơn vị thi công, đại diện bên bán điện.

- Hợp đồng dịch vụ cấp nước cơ quan - doanh nghiệp ngày 05/6/2025 giữa đại diện Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang và Công ty Cổ phần thương mại Tuấn Mai.

- Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc cấp Giấy phép môi trường.

- Hợp đồng số 01/2025/HĐ-VSMT ngày 01/01/2025 về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ dân thuộc dự án giữa đại diện Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai và Hợp tác xã dịch vụ Vệ sinh môi trường thị trấn Vô.

e) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Chủ đầu tư đã cung cấp 206 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Thông báo số 2040/TB-BNI ngày 07/8/2025 của Thuế tỉnh Bắc Ninh về việc xác nhận nghĩa vụ tài chính về đất đai tại Dự án.

2. Cam kết của chủ đầu tư

Tại Văn bản số 5125/CV-TM ngày 01/12/2025 và Văn bản ngày 08/12/2025, Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai (chủ đầu tư) cam kết các nội dung sau:

- Chủ đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có) đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đưa vào kinh doanh. Đã được Thuế tỉnh Bắc Ninh thông báo về việc xác nhận nghĩa vụ tài chính về đất đai tại Thông báo số 2040/TB-BNI ngày 07/8/2025.

- Chủ đầu tư đã thực hiện dự án theo tiến độ, trong thời hạn thực hiện dự án đã được chấp thuận.

- Quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp đang có tranh chấp đang được cơ quan có thẩm quyền thông báo, thụ lý, giải quyết hoặc có tranh chấp nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết bằng bản án, quyết định, phán quyết đã có hiệu lực pháp luật;

- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án.

- Quyền sử dụng đất không thuộc trường hợp luật cấm giao dịch; không thuộc trường hợp đang trong thời gian bị đình chỉ, tạm đình chỉ giao dịch theo quy định của pháp luật.

II. VỀ THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG CHO CÁ NHÂN TỰ XÂY DỰNG NHÀ Ở DỰ ÁN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Các lô đất đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở dự án

Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu pháp lý kèm theo đề nghị của Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai và thực trạng đầu tư xây dựng hạ tầng tại dự án, Sở Xây dựng có ý kiến như sau: 206 lô đất ở thuộc Dự án Khu đô thị mới phía Tây thị trấn Vôi huyện Lạng Giang (*nay là xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh*) đủ điều kiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở theo quy định tại Điều 31 Luật Kinh doanh bất động sản và Điều 9 Nghị định số 96/2024/NĐ-CP. Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (theo danh mục đính kèm Văn bản này).

2. Trách nhiệm của Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động xây dựng nhà ở của người dân theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, đảm bảo việc xây dựng tuân thủ tiến độ, thiết kế, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, giấy phép xây dựng (nếu thuộc đối tượng phải cấp phép) và các nội dung đã

được thỏa thuận trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trường hợp phát hiện vi phạm, phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

- Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin liên quan đến quyền sử dụng đất và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác các thông tin này. Trong hợp đồng chuyển nhượng phải ghi rõ tiến độ, thời hạn hoàn thành việc xây dựng nhà ở. Trường hợp người nhận chuyển nhượng chậm triển khai xây dựng quá thời hạn cam kết thì sẽ bị xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đúng quy trình, thủ tục đầu tư xây dựng; tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch, nhà ở và kinh doanh bất động sản; cam kết thực hiện đúng các nội dung nêu trên và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ đảm bảo tính chính xác, trung thực của tất cả hồ sơ và tài liệu liên quan do chủ đầu tư cung cấp. Mọi thông tin sai lệch hoặc tài liệu giả mạo chủ đầu tư phải chịu hoàn toàn trước pháp luật.

3. Đề nghị UBND xã Lạng Giang

- Tăng cường đôn đốc, giám sát chủ đầu tư và người dân trong quá trình triển khai xây dựng nhà ở tại dự án, đảm bảo theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng công trình, trật tự xây dựng và tiến độ đầu tư xây dựng nhà ở tại Dự án theo quy định.

- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan trong phạm vi thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, xử lý theo quy định.

Sở Xây dựng có ý kiến như trên, đề nghị Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai nghiên cứu, thực hiện theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Lạng Giang;
- Giám đốc Sở XD (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng (đăng tải);
- Lưu VT, QLN, Vnh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tuấn Dũng

**DANH MỤC ĐẤT ĐÃ CÓ HẠ TẦNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG CHO
CÁ NHÂN TỰ XÂY DỰNG NHÀ Ở TẠI DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI PHÍA TÂY
THỊ TRẤN VÔI, HUYỆN LẠNG GIANG**

(Kèm theo Công văn số _____ /SXD-QLN ngày ____/12/2025 của Sở Xây dựng)

STT	Vị trí theo quy hoạch phân lô	Số sổ GCN QSDĐ	Số thửa theo bản đồ địa chính	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Ngày cấp GCN
1	N1-18	DM 098276	263	77	70	28/8/2024
2	N1-19	DM 098277	264	77	91	28/8/2024
3	N1-25	DM 098278	267	77	91	28/8/2024
4	N1-26	DM 098279	268	77	70	28/8/2024
5	N5-1	DE487717	1099	72	86,5	11/11/2022
6	N5-2	DE487718	1100	72	70	11/11/2022
7	N5-5	DE487719	1101	72	70	11/11/2022
8	N5-6	DE487720	1102	72	70	11/11/2022
9	N5-14	DM 098256	1122	72	70	28/8/2024
10	N5-15	DM 098257	1123	72	70	28/8/2024
11	N5-16	DM 098258	1124	72	70	28/8/2024
12	N5-17	DM 098259	1125	72	70	28/8/2024
13	N5-18	DM 098260	1126	72	70	28/8/2024
14	N5-19	DM 098261	1127	72	91	28/8/2024
15	N5-20	DM 098262	1128	72	84,3	28/8/2024
16	N5-21	DM 098263	1129	72	88	28/8/2024
17	N5-22	DM 098264	1130	72	87,2	28/8/2024
18	N5-26	DM 098265	1131	72	91	28/8/2024
19	N5-27	DM 098266	1132	72	70	28/8/2024
20	N5-28	DM 098267	1133	72	70	28/8/2024
21	N5-29	DM 098268	1134	72	70	28/8/2024
22	N5-30	DM 098269	1135	72	70	28/8/2024
23	N5-31	DM 098270	1136	72	70	28/8/2024
24	N6-13	DE487712	1093	72	79,2	11/11/2022
25	N6-14	DE487713	1094	72	79,3	11/11/2022
26	N6-15	DE487714	1095	72	79,3	11/11/2022
27	N6-16	DE487715	1096	72	79,3	11/11/2022
28	N6-17	DE487716	1097	72	79,3	11/11/2022
29	N6-18	DE487590	911	72	106,1	11/11/2022
30	N9-9	DM 098271	619	73	77,5	28/8/2024
31	N12-61	DM 098239	1085	72	79,8	28/8/2024
32	N12-62	DM 098240	1086	72	79,9	28/8/2024
33	N12-63	DM 098241	1087	72	80,1	28/8/2024
34	N12-64	DM 098242	1088	72	80,2	28/8/2024

STT	Vị trí theo quy hoạch phân lô	Số sổ GCN QSDĐ	Số thửa theo bản đồ địa chính	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Ngày cấp GCN
35	N15-14	DM 098235	605	72	89,9	28/8/2024
36	N25-18	DM 098272	807	73	77,4	28/8/2024
37	N25-19	DM 098273	808	73	77,4	28/8/2024
38	N25-44	DM 098274	809	73	80	28/8/2024
39	N25-45	DM 098275	810	73	80	28/8/2024
40	N27A-1	DM 098215	1467	68	81,2	28/8/2024
41	N27A-2	DM 098216	1468	68	81,2	28/8/2024
42	N27A-3	DM 098217	1469	68	81,2	28/8/2024
43	N27A-4	DM 098218	1470	68	81,2	28/8/2024
44	N27A-5	DM 098219	1471	68	81,2	28/8/2024
45	N27A-20	DM 098220	1472	68	81,2	28/8/2024
46	N27A-21	DM 098221	1473	68	81,2	28/8/2024
47	N27A-22	DM 098222	1474	68	81,2	28/8/2024
48	N27A-23	DM 098223	1475	68	81,2	28/8/2024
49	N27A-24	DM 098224	1476	68	81,2	28/8/2024
50	N27A-25	DM 098225	1477	68	81,2	28/8/2024
51	N27A-26	DM 098226	1478	68	81,2	28/8/2024
52	N27A-27	DM 098227	1479	68	104,2	28/8/2024
53	N27A-28	DM 098228	1480	68	75	28/8/2024
54	N27A-29	DM 098229	1481	68	75	28/8/2024
55	N27A-30	DM 098230	1482	68	75	28/8/2024
56	N27A-31	DE487562	1389	68	75	11/11/2022
57	N27A-32	DE487563	1390	68	104,3	11/11/2022
58	N28A-20	DM 098210	1462	68	81	28/8/2024
59	N28A-21	DM 098211	1463	68	81	28/8/2024
60	N28A-22	DM 098212	1464	68	81	28/8/2024
61	N28A-23	DM 098213	1465	68	81	28/8/2024
62	N28A-24	DM 098214	1466	68	81	28/8/2024
63	N28A-25	DE487545	1370	68	81,3	11/11/2022
64	N28A-26	DE487546	1371	68	81,3	11/11/2022
65	N28A-27	DE487547	1372	68	104,3	11/11/2022
66	N36-1	DM 098081	1432	68	75	28/8/2024
67	N36-2	DM 098082	1433	68	75	28/8/2024
68	N36-3	DM 098083	1434	68	75	28/8/2024
69	N36-22	DM 098084	1435	68	75	28/8/2024
70	N36-23	DM 098085	1436	68	75	28/8/2024
71	N36-29	DM 098086	1437	68	75	28/8/2024
72	N36-30	DM 098087	1438	68	85,5	28/8/2024

STT	Vị trí theo quy hoạch phân lô	Số sổ GCN QSDĐ	Số thửa theo bản đồ địa chính	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Ngày cấp GCN
73	N38-25	DE487313	1142	68	80	11/11/2022
74	N38-26	DE487314	1143	68	80	11/11/2022
75	N38-27	DE487315	1144	68	80	11/11/2022
76	N38-28	DE487316	1145	68	80	11/11/2022
77	N38-29	DE487317	1146	68	80	11/11/2022
78	N38-30	DE487266	634	68	115,5	11/11/2022
79	N39-57	DM 098071	1422	68	82,5	28/8/2024
80	N39-58	DM 098072	1423	68	82,5	28/8/2024
81	N39-59	DM 098073	1424	68	82,5	28/8/2024
82	N39-60	DM 098074	1425	68	82,5	28/8/2024
83	N39-65	DM 098075	1426	68	82,5	28/8/2024
84	N39-66	DM 098076	1427	68	82,5	28/8/2024
85	N39-67	DM 098077	1428	68	82,5	28/8/2024
86	N39-68	DM 098078	1429	68	82,5	28/8/2024
87	N39-69	DM 098079	1430	68	82,5	28/8/2024
88	N39-70	DM 098080	1431	68	82,5	28/8/2024
89	N40-1	DM 098231	1484	68	115,1	28/8/2024
90	N40-2	DM 098232	1485	68	82,5	28/8/2024
91	N40-3	DM 098233	1486	68	82,5	28/8/2024
92	N40-4	DM 098234	1487	68	82,5	28/8/2024
93	N41-1	DE487640	1008	72	77,5	11/11/2022
94	N41-2	DM 098243	1109	72	77,5	28/8/2024
95	N41-3	DM 098244	1110	72	77,5	28/8/2024
96	N41-4	DM 098245	1111	72	77,5	28/8/2024
97	N41-5	DM 098246	1112	72	77,5	28/8/2024
98	N41-6	DM 098247	1113	72	77,5	28/8/2024
99	N41-7	DE487641	1011	72	77,5	11/11/2022
100	N41-8	DE487642	1012	72	77,5	11/11/2022
101	N41-9	DE487643	1013	72	77,5	11/11/2022
102	N41-10	DE487644	1014	72	77,5	11/11/2022
103	N41-41	DM 098248	1114	72	80	28/8/2024
104	N41-42	DM 098249	1115	72	80	28/8/2024
105	N41-43	DM 098250	1116	72	80	28/8/2024
106	N41-44	DM 098251	1117	72	80	28/8/2024
107	N41-45	DM 098252	1118	72	80	28/8/2024
108	N41-46	DM 098253	1119	72	80	28/8/2024
109	N41-47	DM 098254	1120	72	103,5	28/8/2024
110	N41-48	DM 098255	1121	72	80	28/8/2024

STT	Vị trí theo quy hoạch phân lô	Số sổ GCN QSDĐ	Số thửa theo bản đồ địa chính	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Ngày cấp GCN
111	N41-49	DE487674	1047	72	80	11/11/2022
112	N41-50	DE487675	1048	72	80	11/11/2022
113	N42-1	DE487591	959	72	77,5	11/11/2022
114	N42-2	DE487592	960	72	77,5	11/11/2022
115	N42-3	DE487593	961	72	77,5	11/11/2022
116	N42-4	DE487594	962	72	77,5	11/11/2022
117	N42-5	DE487595	963	72	77,5	11/11/2022
118	N42-45	DE487634	1002	72	103,5	11/11/2022
119	N42-46	DE487635	1003	72	80	11/11/2022
120	N42-47	DE487636	1004	72	80	11/11/2022
121	N42-48	DE487637	1005	72	80	11/11/2022
122	N42-49	DE487638	1006	72	80	11/11/2022
123	N42-50	DE487639	1007	72	103,5	11/11/2022
124	N45-1	DM 098057	892	67	99,5	28/8/2024
125	N45-2	DM 098056	891	67	80	28/8/2024
126	N45-31	DM 098058	893	67	75	28/8/2024
127	N45-32	DM 098059	894	67	93	28/8/2024
128	N46A-1	DĐ638964	637	67	84,0	25/11/2021
129	N46A-2	DĐ638965	638	67	70,0	25/11/2021
130	N46A-3	DĐ638966	639	67	70,0	25/11/2021
131	N47-23	DĐ638093	849	68	100,5	25/11/2021
132	N47-24	DĐ638083	838	68	80,0	25/11/2021
133	N47-25	DĐ638107	865	68	80,0	25/11/2021
134	N47-26	DM 098205	1457	68	80	28/8/2024
135	N47-27	DM 098206	1458	68	80	28/8/2024
136	N47-28	DM 098207	1459	68	80	28/8/2024
137	N47-29	DM 098208	1460	68	80	28/8/2024
138	N47-30	DM 098209	1461	68	80	28/8/2024
139	N47-31	DĐ638150	916	68	80,0	25/11/2021
140	N47-32	DĐ638143	907	68	80,0	25/11/2021
141	N52-13	DĐ638955	624	67	70,0	25/11/2021
142	N63-1	DĐ272732	653	72	85,2	25/11/2021
143	N63-2	DĐ272741	663	72	85,0	25/11/2021
144	N63-3	DĐ272710	629	72	84,8	25/11/2021
145	N63-4	DĐ272700	619	72	84,6	25/11/2021
146	N63-5	DĐ272691	608	72	84,3	25/11/2021
147	N63-6	DĐ272682	598	72	84,1	25/11/2021
148	N63-7	DĐ272675	590	72	83,9	25/11/2021

STT	Vị trí theo quy hoạch phân lô	Số sổ GCN QSDĐ	Số thửa theo bản đồ địa chính	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Ngày cấp GCN
149	N63-8	DĐ272649	560	72	83,7	25/11/2021
150	N63-9	DĐ272656	569	72	83,5	25/11/2021
151	N63-10	DĐ272664	578	72	83,3	25/11/2021
152	N63-11	DĐ272671	586	72	83,1	25/11/2021
153	N63-12	DĐ272637	548	72	82,9	25/11/2021
154	N63-13	DĐ272627	538	72	82,7	25/11/2021
155	N63-14	DĐ272618	529	72	99,0	25/11/2021
156	N63-33	DM 098238	678	72	105,8	28/8/2024
157	N63-34	DM 098237	673	72	106,2	28/8/2024
158	N63-35	DM 098236	632	72	147,9	28/8/2024
159	N63A-1	DĐ272576	485	72	98,0	25/11/2021
160	N63A-2	DĐ272587	496	72	81,5	25/11/2021
161	N63A-3	DĐ272597	507	72	81,3	25/11/2021
162	N63A-4	DĐ272547	454	72	81,1	25/11/2021
163	N63A-5	DĐ272536	443	72	80,9	25/11/2021
164	N63A-6	DĐ272527	434	72	80,7	25/11/2021
165	N63A-7	DĐ272519	426	72	80,5	25/11/2021
166	N63A-8	DĐ272489	392	72	80,3	25/11/2021
167	N63A-9	DĐ272497	400	72	80,0	25/11/2021
168	N63A-10	DĐ272504	408	72	79,9	25/11/2021
169	N63A-11	DĐ272509	415	72	79,6	25/11/2021
170	N63A-12	DĐ272486	389	72	79,4	25/11/2021
171	N63A-13	DĐ272481	383	72	79,2	25/11/2021
172	N63A-14	DĐ272476	378	72	79,0	25/11/2021
173	BT4-1	DE487523	1338	68	189,4	11/11/2022
174	BT4-2	DE487524	1339	68	165	11/11/2022
175	BT4-3	DM 098061	1340	68	165	28/8/2024
176	BT4-4	DM 098062	1341	68	165	28/8/2024
177	BT4-5	DM 098063	1342	68	165	28/8/2024
178	BT4-6	DM 098064	1343	68	165	28/8/2024
179	BT4-7	DE487273	942	68	165	11/11/2022
180	BT4-8	DE487271	902	68	165	11/11/2022
181	BT4-9	DE487525	1344	68	165	11/11/2022
182	BT4-10	DE487526	1345	68	189,4	11/11/2022
183	BT4-11	DM 098093	1446	68	189,3	28/8/2024
184	BT4-12	DM 098094	1447	68	165	28/8/2024
185	BT4-13	DM 098095	1448	68	165	28/8/2024
186	BT4-14	DM 098096	1449	68	165	28/8/2024

STT	Vị trí theo quy hoạch phân lô	Số sổ GCN QSDĐ	Số thửa theo bản đồ địa chính	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Ngày cấp GCN
187	BT4-15	DM 098065	1348	68	165	28/8/2024
188	BT4-16	DM 098097	1450	68	165	28/8/2024
189	BT4-17	DM 098098	1451	68	165	28/8/2024
190	BT4-18	DM 098099	1452	68	165	28/8/2024
191	BT4-19	DE487527	1350	68	165	11/11/2022
192	BT4-20	DE487528	1351	68	189,4	11/11/2022
193	BT5-1	DE487510	1323	68	189,4	11/11/2022
194	BT5-2	DE487511	1324	68	165	11/11/2022
195	BT5-3	DE487512	1325	68	165	11/11/2022
196	BT5-4	DE487275	953	68	165	11/11/2022
197	BT5-5	DE487272	939	68	165	11/11/2022
198	BT5-6	DE487513	1326	68	165	11/11/2022
199	BT5-7	DE487514	1327	68	165	11/11/2022
200	BT5-8	DE487515	1328	68	165	11/11/2022
201	BT5-9	DE487516	1329	68	165	11/11/2022
202	BT5-10	DE487517	1330	68	189,4	11/11/2022
203	BT5-17	DM 098100	1453	68	165	28/8/2024
204	BT5-18	DM 098202	1454	68	165	28/8/2024
205	BT5-19	DM 098203	1455	68	165	28/8/2024
206	BT5-20	DM 098204	1456	68	189,3	28/8/2024